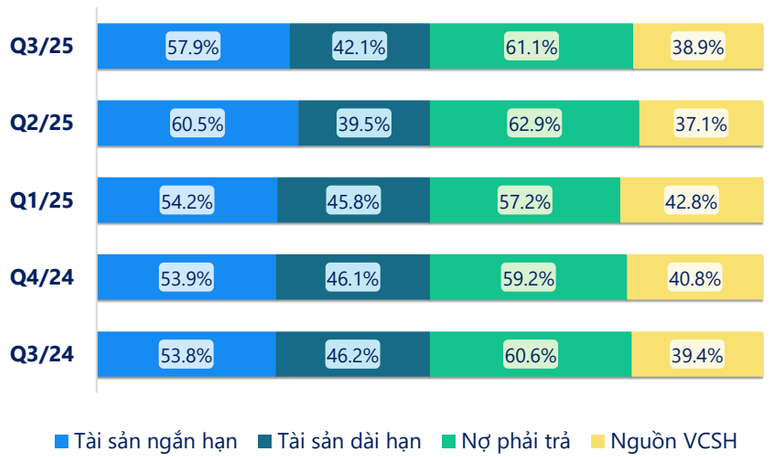
CTCP Tập đoàn Đạt Phương (HSX: DPG)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	45,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	51,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	25,981
SL cổ phiếu LH	100,799,032
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,798,445
% sở hữu nước ngoài	5.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,586
P/E	15.0
EPS	3,037

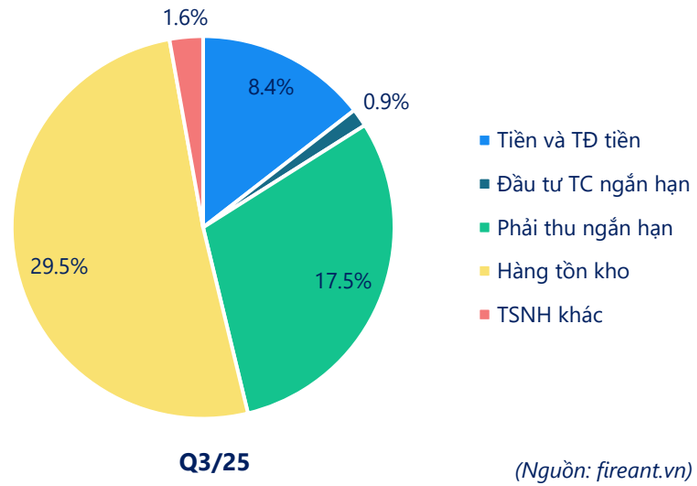
	YTD	1T	3T	6T
DPG	55.6%	1.1%	5.1%	42.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



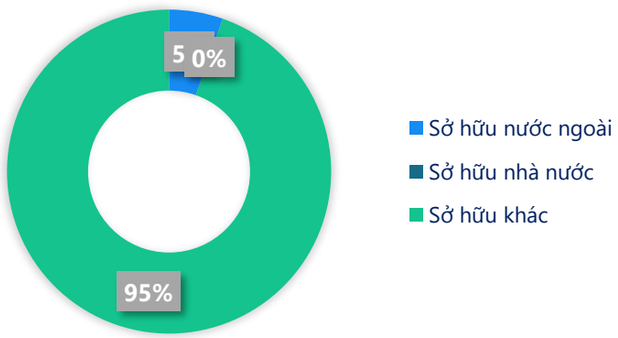
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



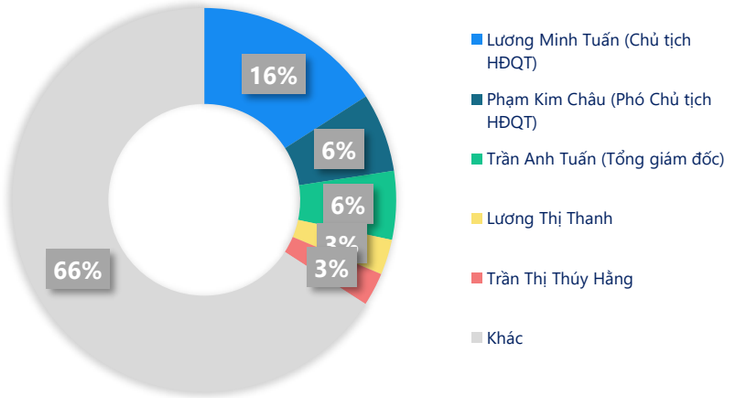
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



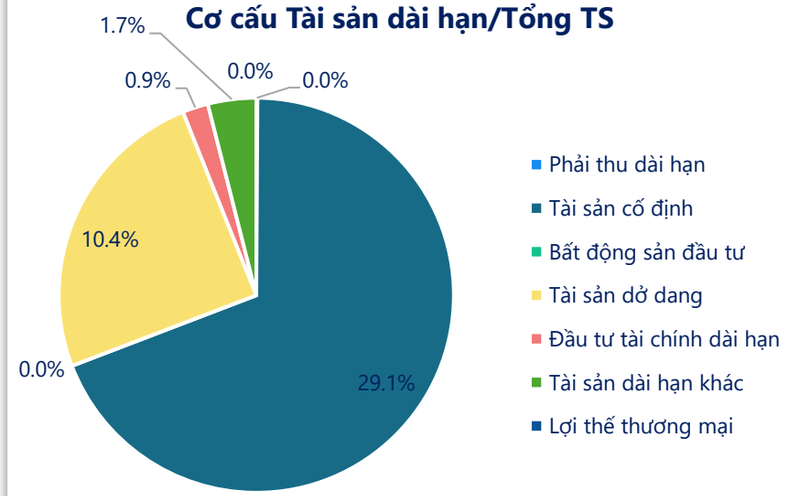
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

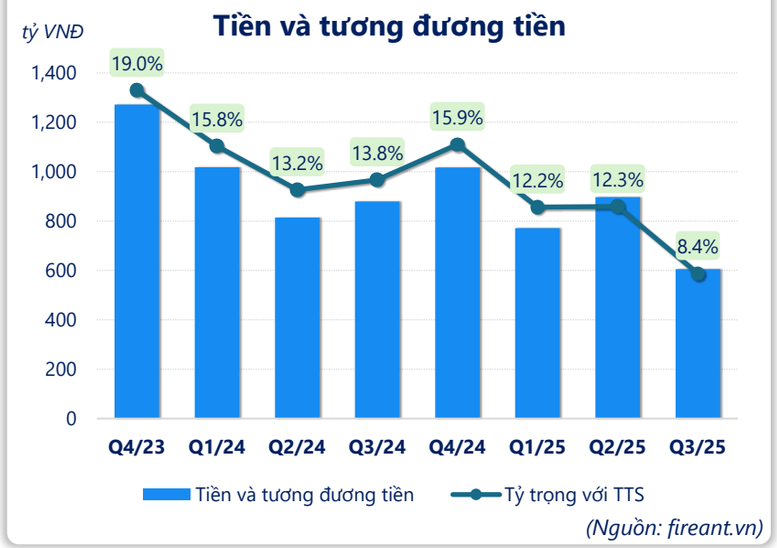


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

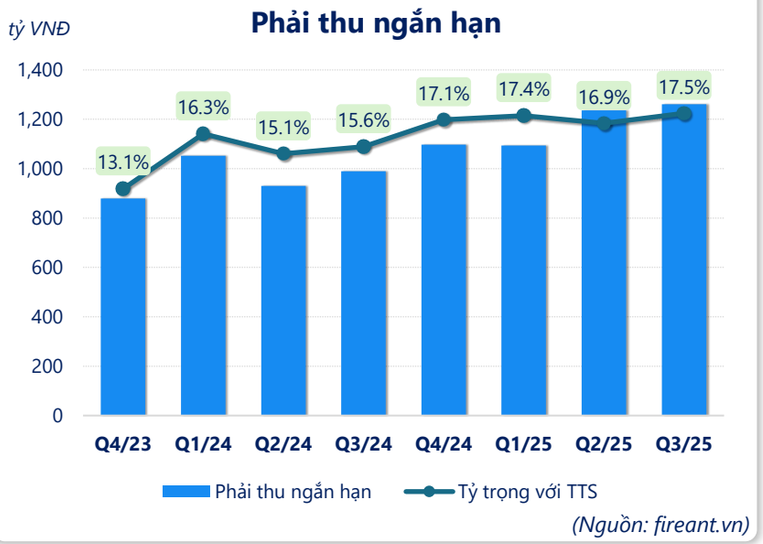
CTCP Tập đoàn Đạt Phương (HSX: DPG)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



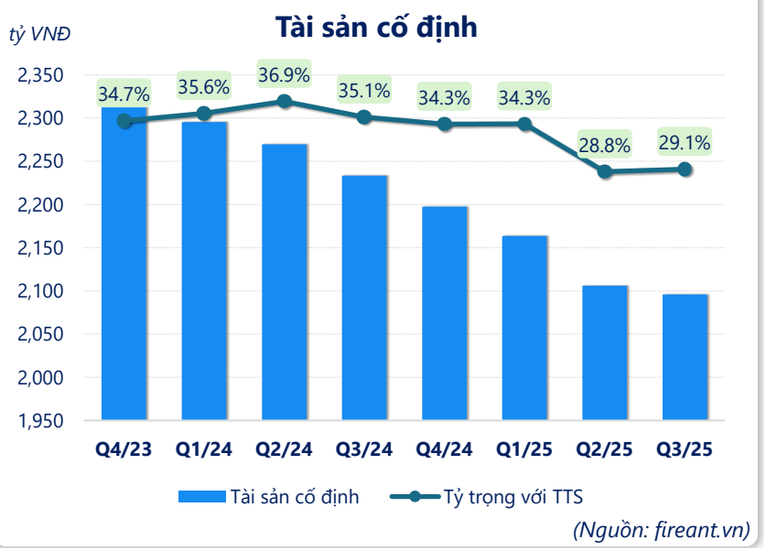
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



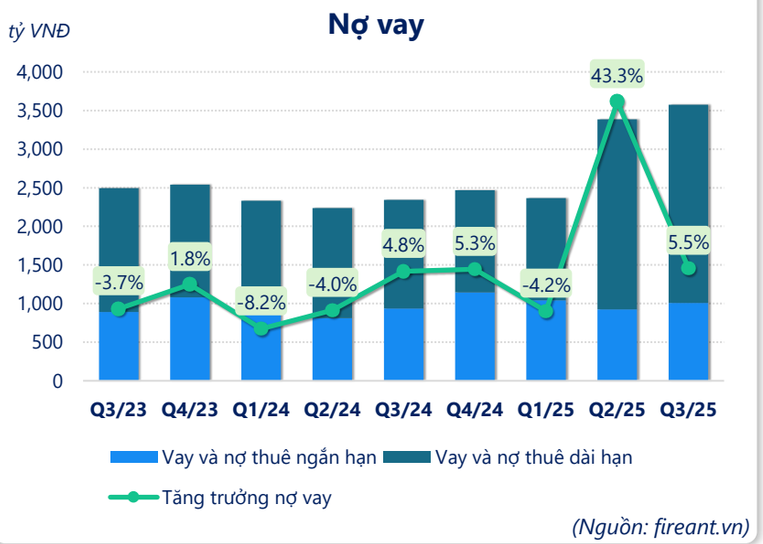
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



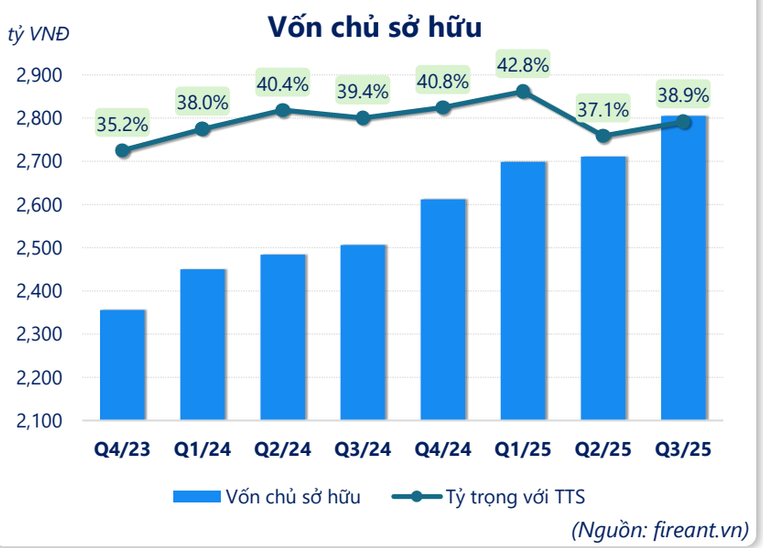
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

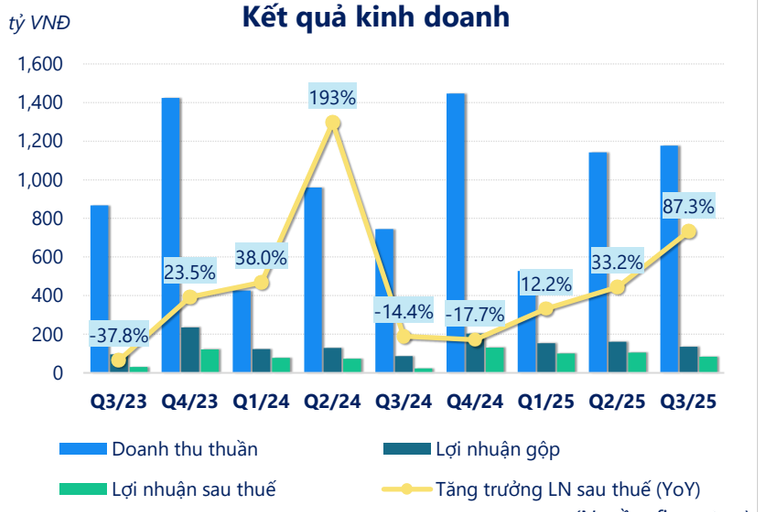


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

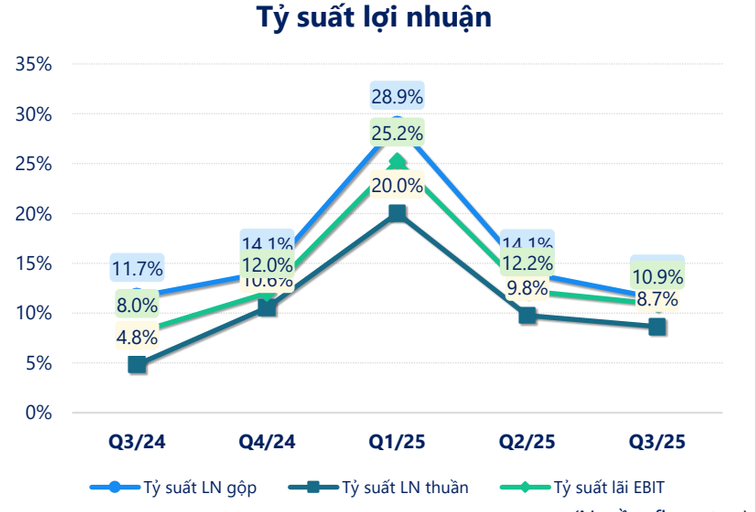
CTCP Tập đoàn Đạt Phương (HSX: DPG)

Kết quả kinh doanh



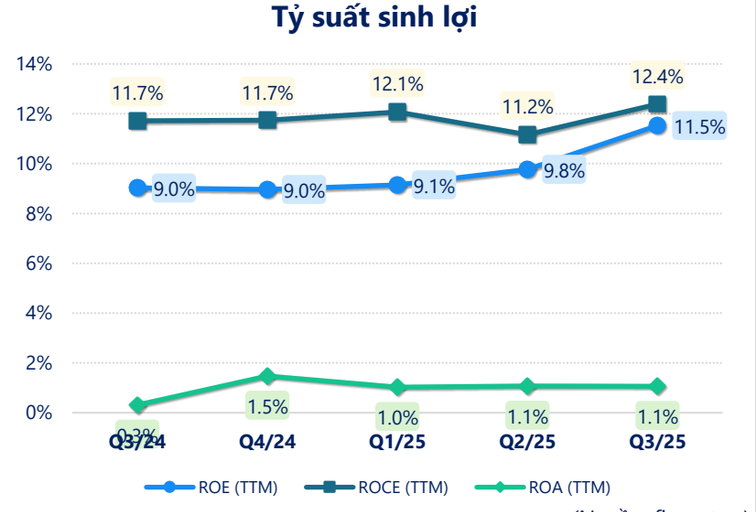
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



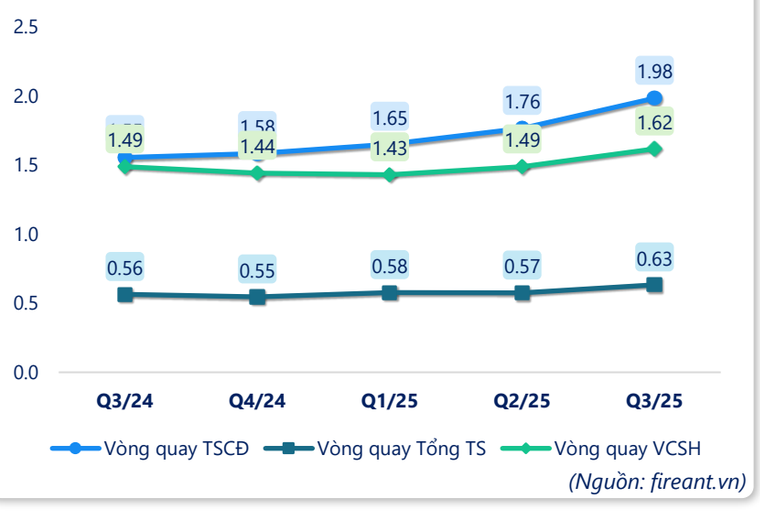
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



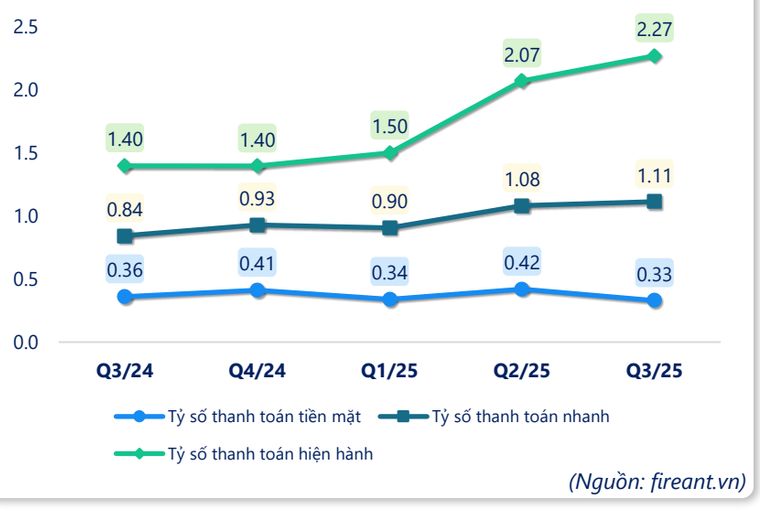
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



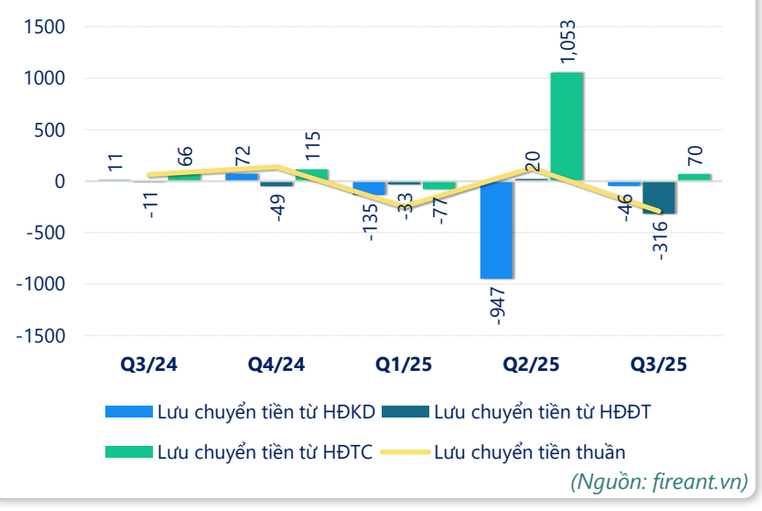
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Tập đoàn Đạt Phương (HSX: DPG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**7,210**	**6,419**	**12.3%**
Tài sản ngắn hạn	4,176	3,527	18.4%
Tiền và tương đương tiền	605	1,017	-40.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	63.9	69.5	-8.0%
Phải thu ngắn hạn	1,261	1,107	14.0%
Hàng tồn kho	2,128	1,222	74.1%
Tài sản ngắn hạn khác	118	113	4.7%
Tài sản dài hạn	**3,034**	**2,891**	**4.9%**
Phải thu dài hạn	2.86	32.0	-91.1%
Tài sản cố định	2,096	2,200	-4.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	751	494	52.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	63.7	11.0	477%
Tài sản dài hạn khác	**120**	**155**	**-22.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,405	3,806	15.7%
Nợ ngắn hạn	**1,840**	**2,481**	**-25.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,010	1,144	-11.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	187	415	-54.9%
Nợ dài hạn	2,564	1,325	93.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,564	1,324	93.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,805**	**2,613**	**7.4%**
Vốn chủ sở hữu	**2,805**	**2,613**	**7.4%**
Vốn điều lệ	1,008	630	60.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	745	1,446	528	1,142	1,176
Giá vốn hàng bán	658	1,242	375	981	1,041
Lợi nhuận gộp	86.8	204	153	160	135
Doanh thu HĐTC	3.83	4.06	3.24	3.63	5.24
Chi phí TC	29.4	27.7	28.1	28.5	29.6
Chi phí lãi vay	29.4	27.4	28.0	28.4	29.5
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	5.56
Chi phí bán hàng	0.29	0.35	0.79	1.60	1.02
Chi phí QLDN	24.9	27.3	21.4	22.5	13.6
LN thuần từ HĐKD	36.0	153	106	111	102
Lợi nhuận khác	-5.47	-6.00	-0.39	-0.37	-3.14
LN trước thuế	30.6	147	105	111	98.7
Lợi nhuận sau thuế	22.2	130	100	104	83.3
LNST của CĐ cty mẹ	19.8	96.6	65.3	72.1	72.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	10.5	71.8	-135	-947	-45.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-11.1	-48.9	-32.8	20.3	-316
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	65.5	115	-77.5	1,053	70.0
Tiền đầu kỳ	814	879	1,017	771	897
Lưu chuyển tiền thuần	**64.9**	**138**	**-245**	**126**	**-292**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	879	1,017	771	897	605

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic